



VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TÔ ĐÌNH HUY

Nơi trao gửi niềm tin công lý

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 11/2018

NỘI DUNG

PHẦN 1

HOẠT ĐỘNG KHUYẾN MẠI - NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

PHẦN 2

Tóm tắt điểm nổi bật của một số văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng

1. Những quy định mới về hóa đơn điện tử
2. Người lao động được tham gia ý kiến khi xây dựng, sửa đổi thang, bảng lương
3. Tăng lương hưu đối với hàng loạt lao động nữ
4. B bảo hiểm xã hội TP.HCM hướng dẫn chế độ thai sản dành cho nam giới

PHẦN 3:

Danh mục các văn bản có hiệu lực trong tháng

LIÊN HỆ

Địa chỉ: 441/15B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: **02838991104 - 0978845617**

Email: **info@luatsuhcm.com**

Tổng đài tư vấn: **1900 6279**

Website: **www.luatsuhcm.com**

HOẠT ĐỘNG KHUYẾN MẠI – NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp đều thực hiện các đợt giảm giá trực tiếp, kèm tặng phẩm, hàng cũ đổi hàng mới, rút thăm trúng thưởng... ít nhất là vài lần trong năm. Mục đích của doanh nghiệp áp dụng các chương trình khuyến mại thường nhằm kích thích tiêu dùng, giải quyết hàng tồn kho, cải thiện doanh thu và lợi nhuận.

Tuy nhiên, thực hiện hoạt động khuyến mại như thế nào, cần lưu ý những vấn đề pháp lý gì trước khi thực hiện hoạt động khuyến mại là những điều doanh nghiệp cần phải quan tâm để tránh phát sinh các rắc rối về mặt pháp lý.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ nêu ra một số điểm mà doanh nghiệp cần lưu ý khi thực hiện hoạt động khuyến mại.

1. Thông báo hoạt động khuyến mại

- Các hình thức khuyến mại cần được thông báo:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 81/2018/NĐ-CP, các hình thức khuyến mại phải được thông báo thực hiện khuyến mại tại Sở Công thương, gồm:

- Đưa hàng hoá mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền.
- Tặng hàng hoá cho khách hàng, cung ứng dịch vụ không thu tiền.
- Bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, cung ứng dịch vụ trước đó, được áp dụng trong thời gian khuyến mại đã thông báo (khuyến mại bằng hình thức giảm giá).
- Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ.
- Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố.
- Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua

hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác.

- Tổ chức cho khách hàng tham gia các chương trình văn hóa, nghệ thuật, giải trí và các sự kiện khác vì mục đích khuyến mại.
- **Về nội dung thông tin cần được thông báo khuyến mại:**

Các thông tin phải được thông báo công khai được quy định tại Điều 97 Luật Thương mại, bao gồm:

- Tên của hoạt động khuyến mại;
- Giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ khuyến mại và các chi phí có liên quan để giao hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại cho khách hàng;
- Tên, địa chỉ, số điện thoại của thương nhân thực hiện khuyến mại;
- Thời gian khuyến mại, ngày bắt đầu, ngày kết thúc và địa bàn hoạt động khuyến mại;
- Trường hợp lợi ích của việc tham gia khuyến mại gắn với các điều kiện cụ thể thì trong thông báo phải nêu rõ hoạt động khuyến mại đó có kèm theo điều kiện và nội dung cụ thể của các điều kiện.

- **Về cách thức thông báo khuyến mại:**

Cách thức thông báo khuyến mại được quy định tại Điều 98 Luật Thương mại.

Việc thông báo khuyến mại hàng hóa được thực hiện theo một trong các cách thức sau đây:

- Tại địa điểm bán hàng hóa và nơi để hàng hóa bày bán;
- Trên hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa;
- Bất kỳ cách thức nào khác nhưng phải được đính kèm với hàng hóa khi hàng hóa được bán.

Việc thông báo khuyến mại dịch vụ được thực hiện theo một trong các cách thức sau đây:

- Tại địa điểm cung ứng dịch vụ;
 - Cách thức khác nhưng phải được cung cấp kèm với dịch vụ khi dịch vụ đó được cung ứng.
- **Về thủ tục thông báo khuyến mại đến Sở Công Thương:**

Thủ tục thông báo khuyến mại đến Sở Công Thương được quy định tại Điều 17 Nghị định 81/2018/NĐ-CP.

Doanh nghiệp trước khi thực hiện chương trình khuyến mại, phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại đến tất cả các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại (tại địa bàn thực hiện khuyến mại).

Thời hạn gửi hồ sơ: Hồ sơ thông báo phải được gửi đến Sở Công Thương *tối thiểu trước 03 ngày làm việc*¹ trước khi thực hiện khuyến mại (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo

- **Về nội dung thông tin cần được công khai:** Tên thương nhân thực hiện; Nội dung chi tiết chương trình khuyến mại; Thời gian thực hiện khuyến mại; Địa bàn thực hiện khuyến mại.

ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, căn cứ theo thời gian ghi nhận trên hệ thống thư điện tử hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến).

Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục thông báo hoạt động khuyến mại:

- Thương nhân thực hiện các chương trình khuyến mại có tổng giá trị giải thưởng, quà tặng dưới 100 triệu đồng;
- Thương nhân chỉ thực hiện bán hàng và khuyến mại thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến.

2. Đăng ký khuyến mại

- **Các hình thức khuyến mại cần được đăng ký:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 81/2018/NĐ-CP, các hình thức khuyến mại phải được đăng ký thực hiện khuyến mại, gồm:

- Bán hàng, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi mà việc tham gia chương trình gắn liền với việc mua hàng hóa, dịch vụ và việc trúng thưởng dựa trên sự may mắn của người tham gia theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (chương trình khuyến mại mang tính may rủi).
 - Các hình thức khuyến mại khác nếu được cơ quan quản lý nhà nước về thương mại chấp thuận
- **Về cách thức đăng ký hoạt động khuyến mại:**

Doanh nghiệp được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

¹ Luật quy định là thông báo nhưng thực tế các Sở xem xét đề nghị điều chỉnh, bổ sung (thủ tục tương tự đăng ký

khuyến mại). Do đó để đảm bảo kịp thời gian cần lưu ý thông báo sớm.

- Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp.

- Về thủ tục đăng ký hoạt động khuyến mại đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

Thủ tục đăng ký hoạt động khuyến mại đến Sở Công Thương được quy định tại Điều 19 Nghị định 81/2018/NĐ-CP.

Doanh nghiệp trước khi thực hiện chương trình khuyến mại, phải thực hiện thủ tục hành chính đăng ký hoạt động khuyến mại và phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký hoạt động khuyến mại:

- Sở Công Thương (đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).
- Bộ Công Thương (đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên và chương trình khuyến mại theo các hình thức khác).

Thời hạn xác nhận: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến), cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền xem xét, trả lời xác nhận hoặc không xác nhận việc đăng ký thực

hiện chương trình khuyến mại của doanh nghiệp; trong trường hợp không xác nhận, phải nêu rõ lý do theo quy định của pháp luật.

3. Cách thức thực hiện thông báo khuyến mại trong trường hợp nhiều thương nhân cùng thực hiện khuyến mại

- Phải ký kết thỏa thuận/Hợp đồng khuyến mại:

Căn cứ mục 11 Mẫu số 01 về Thông báo khuyến mại, mục 9 Mẫu số 02 về Đăng ký khuyến mại đính kèm Nghị định 81/2018/NĐ-CP, trường hợp có nhiều thương nhân cùng thực hiện khuyến mại, doanh nghiệp thông báo khuyến mại phải:

- Ghi nhận thông tin và trách nhiệm của các thương nhân cùng thực hiện trong chương trình khuyến mại;
- Đính kèm thỏa thuận/hợp đồng về việc thực hiện khuyến mại.

Theo đó, trước khi thông báo/dăng ký chương trình khuyến mại, thương nhân phải tiến hành ký

kết thỏa thuận đối với các thương nhân cùng thực hiện khuyến mại, bao gồm: các công ty cùng hợp tác và các nhà phân phối có thực hiện khuyến mại (công ty, hộ kinh doanh) ...

- Về chủ thể thực hiện khuyến mại:

Căn cứ Khoản 1 Điều 2 Nghị định 81/2018/NĐ-CP, chủ thể thực hiện khuyến mại là thương nhân bao gồm:

- Thương nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trực tiếp thực hiện khuyến mại hoặc thực hiện khuyến mại thông qua các thương nhân phân phối (bán buôn, bán lẻ, đại lý, nhượng quyền thương mại và các thương nhân phân phối khác theo quy định của pháp luật);
- Thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận với thương nhân đó.

4. Điều chỉnh nội dung Chương trình khuyến mại đã được thông báo

Việc thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung Chương trình khuyến mại được quy định tại Điều 18 Nghị định 81/2018/NĐ-CP.

Theo đó, trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (như tên chương trình khuyến mại, địa bàn thực hiện khuyến mại, hình thức khuyến mại, hàng hóa khuyến mại...) đã được thông báo đến Sở Công Thương trước đó, thương nhân trước khi sửa đổi, bổ sung phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đến Sở Công Thương nơi đã thông báo thực hiện khuyến mại. Hồ sơ thông báo gồm 01 văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại thực hiện theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2018/NĐ-CP.

5. Chấm dứt chương trình khuyến mại đang thực hiện

Việc chấm dứt thực hiện chương trình khuyến mại được quy định tại Điều 22 Nghị định 81/2018/NĐ-CP.

Theo đó, thương nhân thực hiện khuyến mại không được chấm dứt việc thực hiện chương trình khuyến mại trước thời hạn đã công bố hoặc đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận. Tuy nhiên, điều khoản này cũng loại trừ những trường hợp được chấm dứt chương trình khuyến mại trước thời hạn, bao gồm:

- Trường hợp bất khả kháng.
- Trường hợp đã thực hiện khuyến mại hết số lượng hàng hóa, dịch vụ khuyến mại hoặc hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, phát hành hết số lượng bằng chứng xác định trúng thưởng đã công bố hoặc đã được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận.
- Trường hợp bị cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu chấm dứt việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần chương trình khuyến mại của thương nhân.

6. Triển khai đồng thời hai chương trình khuyến mại

Pháp luật không hạn chế việc triển khai đồng thời hai chương trình khuyến mại, miễn đáp ứng được các điều kiện về thông báo, nội dung, sản phẩm khuyến mại... theo quy định pháp luật. Lưu ý rằng, hai chương trình này độc lập, chương trình thông báo và triển khai sau sẽ không thay thế chương trình trước.

7. Dùng tiền mặt làm giải thưởng cho các chương trình khuyến mại

Pháp luật hiện hành không có quy định cấm sử dụng tiền mặt làm giải thưởng cho các chương trình khuyến mại. Vì vậy, các doanh nghiệp có thể sử dụng tiền mặt làm giải thưởng cho các khách hàng tham gia chương trình.

8. Hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại

Hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại được quy định tại Điều 6 Nghị định 81/2018/NĐ-CP. Theo đó:

- Giá trị vật chất dùng để khuyến mại cho một đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá của đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại đó trước thời gian khuyến mại.
- Tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại mà thương nhân thực hiện trong một chương trình khuyến mại không được vượt quá 50% tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại.
- Hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại là 100% được áp dụng đối với:
 - Các trường hợp tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung.
 - Các hoạt động khuyến mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

9. Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại

Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại được quy định tại Điều 7 Nghị định 81/2018/NĐ-CP. Theo đó:

- Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá hàng hóa, dịch vụ đó ngay trước thời gian khuyến mại.
- Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại là 100% được áp dụng đối với:
 - Các trường hợp tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung.
 - Các hoạt động khuyến mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
- Không áp dụng hạn mức giảm giá tối đa khi thực hiện khuyến mại giảm giá cho:
 - Hàng hóa dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước;
 - Hàng thực phẩm tươi sống;
 - Hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể, thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh.

Kết luận: Trên đây là một số vấn đề mà doanh nghiệp cần lưu ý khi thực hiện hoạt động khuyến mại. Hiểu rõ các quy định này nhằm mục đích hạn chế rủi ro pháp lý khi doanh nghiệp thực hiện hoạt động khuyến mại.

TÓM TẮT ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA MỘT SỐ VĂN BẢN ĐƯỢC BAN HÀNH/ CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 11/2018

1. Những quy định mới về hóa đơn điện tử

Từ ngày 01/11/2018, Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử (“HĐĐT”) khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ bắt đầu có hiệu lực thi hành. Những điểm cần lưu ý của quy định về hóa đơn điện tử là:

1.1. Các mốc thời gian cần biết về việc bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử

Đối với những đối tượng thuộc trường hợp bắt buộc phải chuyển đổi sang sử dụng HĐĐT cần lưu ý những mốc thời gian sau đây:

• Từ ngày 01/11/2020:

Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh phải hoàn thành xong việc chuyển đổi sang HĐĐT, HĐĐT có mã của cơ quan thuế chậm nhất là ngày 01/11/2020.

Cũng từ ngày này Nghị định 51/2010/NĐ-CP và Nghị định 04/2014/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành.

• Từ ngày 01/11/2018 – ngày 31/10/2020:

- Trường hợp cơ quan thuế thông báo cơ sở kinh doanh chuyển đổi áp dụng HĐĐT có mã nhưng cơ sở kinh doanh chưa đủ điều kiện về công nghệ thông tin để áp dụng thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn theo hình thức cũ nhưng phải gửi mẫu theo Phụ lục 03 và tờ khai thuế giá trị gia tăng đến cơ quan thuế.
- Cơ sở kinh doanh mới thành lập trong thời gian này nếu được cơ quan thuế yêu cầu sử dụng HĐĐT thì phải áp dụng HĐĐT. Trường hợp chưa đủ điều kiện để áp dụng HĐĐT thì được phép sử dụng Hóa đơn giấy theo quy định tại Nghị định 51/2010/NĐ-CP.
- Trường hợp doanh nghiệp đã đặt in; thông báo phát hành hóa đơn, hóa đơn in

tự in hoặc đặt mua hóa đơn của cơ quan thuế trước ngày 01/11/2018 thì được tiếp tục sử dụng số hóa đơn đó đến ngày 31/10/2020 theo quy định của Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

• Trước ngày 01/11/2018:

Doanh nghiệp đã thực hiện thông báo phát hành HĐĐT hoặc đăng ký sử dụng HĐĐT của cơ quan thuế trước ngày này thì vẫn được tiếp tục sử dụng.

• Trường hợp đặc biệt:

Cơ sở giáo dục, y tế công lập đã sử dụng phiếu thu tiền thì tiếp tục được sử dụng và chuyển đổi theo lộ trình của Bộ Tài chính.

1.2. Quy định về chuyển đổi hóa đơn điện tử thành hóa đơn giấy

Nghị định 119/2018/NĐ-CP quy định về việc chuyển đổi HĐĐT thành chứng từ giấy như sau:

- HĐĐT hợp pháp được chuyển đổi thành chứng từ giấy.
- Việc chuyển đổi HĐĐT thành chứng từ giấy phải bảo đảm sự khớp đúng giữa nội dung của HĐĐT và chứng từ giấy sau khi chuyển đổi.
- HĐĐT được chuyển đổi thành chứng từ giấy thì chứng từ giấy chỉ có giá trị lưu giữ để ghi sổ, theo dõi theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về giao dịch điện tử, không có hiệu lực để giao dịch, thanh toán, trừ trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định 119/2018/NĐ-CP.

1.3. Các bước xử lý hóa đơn điện tử đã lập nhưng bị sai sót

- Đối với HĐĐT có sai sót sau khi cấp mã của cơ quan thuế

- Trường hợp chưa gửi hóa đơn cho người mua

Bước 1: Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 về việc hủy HĐĐT có mã đã lập có sai sót.

Bước 2: Người bán lập HĐĐT mới, ký số, ký điện tử gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua.

- Trường hợp đã gửi hóa đơn cho người mua

Bước 1: Người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót hoặc thông báo về việc hóa đơn có sai sót (nếu sai sót thuộc trách nhiệm của người bán) và người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04.

Bước 2: Người bán lập HĐĐT mới, ký số, ký điện tử gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua.

- Trường hợp cơ quan thuế phát hiện sai sót hóa đơn

Bước 1: Cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 05 để người bán kiểm tra sai sót.

Bước 2: Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 về việc hủy HĐĐT có mã đã lập có sai sót trong thời gian 2 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế.

Bước 3: Người bán lập HĐĐT mới, ký số, ký điện tử gửi cơ quan thuế để cấp mã HĐĐT mới thay thế HĐĐT đã lập để gửi cho người mua.

- **Đối với HĐĐT không có mã của cơ quan thuế đã lập**

- Trường hợp hóa đơn đã gửi cho người mua có sai sót (do người bán hoặc người mua phát hiện)

Bước 1: Người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, đồng thời người bán thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 về việc hủy HĐĐT đã lập.

Bước 2: Người bán lập HĐĐT mới thay thế hóa đơn đã lập có sai sót gửi cho người mua, cơ quan thuế.

- Trường hợp cơ quan thuế phát hiện có sai sót

Bước 1: Cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 05 để người bán kiểm tra sai sót.

Bước 2: Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 về việc hủy HĐĐT không có mã của cơ quan thuế.

Bước 3: Người bán lập HĐĐT mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua, cơ quan thuế.

1.4. Các trường hợp được miễn phí sử dụng dịch vụ hóa đơn điện tử

Tổng cục Thuế cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế *không thu tiền* đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;
- Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định pháp luật và hộ, cá nhân kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp trong thời gian 12 tháng kể từ khi thành lập doanh nghiệp;
- Hộ, cá nhân kinh doanh. Riêng hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trước liền kề từ 03 tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng hoặc có doanh thu năm trước liền kề từ 10 tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này trong thời gian 12 tháng kể từ tháng áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định này;
- Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của UBND cấp tỉnh và quy định của Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao

- Các trường hợp khác cần thiết để khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử do Bộ Tài chính quyết định.

2. Người lao động được tham gia ý kiến khi xây dựng, sửa đổi thang, bảng lương

Ngày 07/11/2018 Chính phủ ban hành Nghị định 149/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Khoản 3 Điều 63 của Bộ luật lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019. Theo đó:

- Người lao động được quyền tham gia ý kiến khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động;
- Người lao động cũng được quyền đề xuất nội dung thương lượng tập thể;
- Người lao động được quyền tham gia ý kiến khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của doanh nghiệp liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.
- Ngoài ra, Nghị định còn bổ sung hình thức thực hiện dân chủ khác là hệ thống thông tin nội bộ.

3. Tăng lương hưu đối với hàng loạt lao động nữ

Đây là một trong những điểm nổi bật tại Nghị định 153/2018/NĐ-CP được ban hành ngày 07/11/2018 quy định chính sách điều chỉnh lương hưu đối với lao động nữ, bị tác động bất lợi hơn so với lao động nam do thay đổi cách tính lương hưu. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 24/12/2018.

Cụ thể, việc điều chỉnh áp dụng với đối tượng là lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2021, có thời gian đóng BHXH từ đủ 20 năm đến 29 năm 6 tháng.

Mức lương hưu sau điều chỉnh = Mức lương hưu tính theo khoản 2 Điều 56 hoặc khoản 2 Điều 74 Luật BHXH 2014 + Mức điều chỉnh. Trong đó:

- Mức điều chỉnh = Mức lương hưu tính tại thời điểm bắt đầu hưởng lương hưu X Tỷ lệ điều chỉnh.
- Tỷ lệ điều chỉnh được quy định chi tiết trong Bảng tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 153/2018/NĐ-CP.

Thời điểm thực hiện điều chỉnh theo quy định nêu trên được tính từ tháng lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu.

4. Bảo hiểm xã hội TP.HCM hướng dẫn chế độ thai sản dành cho nam giới

BHXH TP.HCM ban hành Công văn 2219/BHXH-CD hướng dẫn nghiệp vụ về chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức. Theo đó, Công văn này hướng dẫn một số chính sách thai sản đối với lao động nam như sau:

- Trợ cấp 01 lần khi sinh con trong trường hợp chỉ có cha tham gia BHXH theo Điều 38 Luật BHXH 2014 cũng được áp dụng cả trong trường hợp người mẹ không đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản nhưng người cha đã đóng BHXH từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con.
- Lao động nam đang đóng BHXH khi vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản có thể nghỉ làm nhiều lần nhưng phải đảm bảo 02 điều kiện sau:

+ Tổng số thời gian nghỉ không quá thời gian quy định.

+ Thời gian bắt đầu nghỉ việc lần cuối cùng vẫn trong khoảng thời gian 30 ngày đầu kể từ ngày vợ sinh con.

Lưu ý, tại khoản 6 Điều 34 Luật BHXH 2014 có quy định là người cha được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi trong trường hợp: Chỉ có cha tham gia BHXH mà mẹ chết sau khi sinh con hoặc gặp rủi ro sau khi sinh mà không còn đủ sức khỏe để chăm sóc con theo xác nhận của cơ sở KCB có thẩm quyền.

PHẦN 3.

DANH MỤC VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 11/2018

STT	TÊN VĂN BẢN	Ngày có hiệu lực
	NGHỊ ĐỊNH	
1	Nghị định 117/2018/NĐ-CP về giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	01/11/2018
2	Nghị định 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	01/11/2018
3	Nghị định 121/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 49/2013/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật lao động về tiền lương	01/11/2018
4	Nghị định 127/2018/NĐ-CP quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục	15/11/2018
5	Nghị định 130/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số	15/11/2018
6	Nghị định 135/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	20/11/2018
7	Nghị định 137/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 123/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật luật sư	25/11/2018
8	Nghị định 141/2018/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp	25/11/2018
	QUYẾT ĐỊNH – THÔNG TƯ	
9	Quyết định 41/2018/QĐ-TTg quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính do Thủ tướng Chính phủ ban hành	15/11/2018
10	Quyết định 2180/QĐ-BGTVT năm 2018 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải	01/11/2018
11	Quyết định 2225/QĐ-BGTVT năm 2018 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải	05/11/2018

12	Quyết định 38/2018/QĐ-UBND quy định về giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do thành phố Hồ Chí Minh ban hành	01/11/2018
13	Quyết định 39/2018/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định 15/2017/QĐ-UBND quy định về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất lĩnh vực công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ do thành phố Hồ Chí Minh ban hành	04/11/2018
14	Quyết định 753/QĐ-QLD năm 2018 ban hành danh mục 04 thuốc sản xuất trong nước được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam có hiệu lực đến hết ngày 30/06/2019 Đợt 162 bổ sung 2 do Cục trưởng Cục Quản lý Dược ban hành	01/11/2018
15	Quyết định 751/QĐ-QLD năm 2018 về danh mục 82 thuốc sản xuất trong nước được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 162 bổ sung 2 do Cục trưởng Cục Quản lý dược ban hành	01/11/2018
16	Quyết định 752/QĐ-QLD năm 2018 ban hành danh mục 04 thuốc sản xuất gia công được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 162 bổ sung 2 do Cục trưởng Cục Quản lý Dược ban hành	01/11/2018
17	Quyết định 754/QĐ-QLD năm 2018 ban hành danh mục 02 thuốc sản xuất trong nước (thuốc tránh thai đăng ký lần đầu - số đăng ký có hiệu lực 03 năm) được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 162 bổ sung 2 do Cục trưởng Cục Quản lý Dược ban hành	01/11/2018
18	Hướng dẫn 29/HD-VKSTC năm 2018 về phát hiện vi phạm và thực hiện quyền kháng nghị đối với những vi phạm trong việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh thương mại, lao động, phá sản và xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân do Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ban hành	01/11/2018
19	Thông tư 13/2018/TT-BTP bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý	15/11/2018
20	Thông tư 14/2018/TT-BLĐTBXH sửa đổi Thông tư 17/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	10/11/2018

21	Thông tư 24/2018/TT-NHNN sửa đổi Thông tư, văn bản có quy định về chế độ báo cáo định kỳ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	15/11/2018
22	Thông tư 25/2018/TT-BYT bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành	15/11/2018
23	Thông tư 30/2018/TT-BCT hướng dẫn Nghị định 107/2018/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	15/11/2018
24	Thông tư 31/2018/TT-BCT sửa đổi Thông tư 27/2013/TT-BCT quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	20/11/2018
25	Thông tư 33/2018/TT-BCT quy định về Thẻ kiểm tra thị trường do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	23/11/2018
26	Thông tư 35/2018/TT-BCT quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	26/11/2018
27	Thông tư 150/2018/TT-BQP quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng	26/11/2018
28	Thông tư 13/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi Thông tư 03/2018/TT-BNNPTNT về Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	22/11/2018
29	Thông tư 11/2018/TT-BTTTT về công bố chi tiết Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu kèm theo mã số HS do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	31/11/2018
30	Thông tư 87/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 215/2013/TT-BTC hướng dẫn về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	15/11/2018
31	Thông tư 92/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 89/2015/TT-BTC hướng dẫn nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	20/11/2018
32	Thông tư 93/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư 19/2014/TT-BTC quy định về thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	16/10/2018

33	Thông tư 28/2018/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	15/11/2018
34	Thông tư 51/2018/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 17/2016/TT-BGTVT hướng dẫn quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	05/11/2018
35	Thông tư 27/2018/TT-BCT bãi bỏ quy định cấp giấy phép nhập khẩu tự động xe gắn máy phân khối lớn từ 175 cm ³ trở lên do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	05/11/2018
36	Thông tư 23/2018/TT-NHNN quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	01/11/2018
37	Thông tư 23/2018/TT-BYT quy định về thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế	01/11/2018
38	Thông tư 09/2018/TT-BNV quy định về mã số ngạch công chức quản lý thị trường do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	01/11/2018
39	Thông tư 85/2018/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	01/11/2018
40	Thông tư 22/2018/TT-BYT quy định về danh mục thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc diện kê khai giá do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	01/11/2018
41	Thông tư 22/2018/TT-NHNN hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	01/11/2018
42	Thông tư 48/2018/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 50/2016/TT-BGTVT quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	01/11/2018
43	Thông tư 25/2018/TT-BVHTTDL quy định việc hạn chế hình ảnh diễn viên sử dụng thuốc lá trong tác phẩm sân khấu, điện ảnh do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành	15/11/2018
44	Thông tư 80/2018/TT-BTC hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	01/11/2018

45	Thông tư 71/2018/TT-BTC quy định về chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	01/11/2018
46	Thông tư 04/2018/TT-BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành	01/11/2018

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

Hi vọng chúng tôi sẽ cung cấp cho độc giả những thông tin hữu ích liên quan đến các quy định pháp luật mới ban hành thông qua bản tin lần này và hoan nghênh mọi phản hồi hoặc thắc mắc của Quý khách hàng. Mọi nhận xét của Quý khách xin vui lòng gửi về địa chỉ info@luatsuhcm.com.

Trong trường hợp Quý khách hàng muốn tìm hiểu các bản tin khác của chúng tôi, xin vui lòng truy cập mục Bản tin pháp luật trên trang thông tin điện tử của chúng tôi: www.luatsuhcm.com.